

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thủy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61063721/21093723

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.628.824.265.526	1.600.650.370.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	992.635.832.802	1.226.263.227.436
111	1. Tiền		238.278.134.802	650.158.801.521
112	2. Các khoản tương đương tiền		754.357.698.000	576.104.425.915
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		631.533.198.790	373.846.414.600
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.311.743.892	24.311.743.892
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.584.504.568	216.745.405
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	20	573.840.000.000	354.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	56.108.694.222	10.514.995.217
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(24.311.743.892)	(15.197.069.914)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		4.655.233.934	540.728.342
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		560.824.792	183.429.320
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		293.633.992	328.179.447
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	3.800.775.150	29.119.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.241.068.999.597	2.609.603.065.232
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định		14.381.044.084	13.847.853.091
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	14.381.044.084	13.847.853.091
222	Nguyên giá		26.218.506.597	25.264.755.957
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.837.462.513)	(11.416.902.866)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	3.218.279.607.741	2.590.648.445.250
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.734.164.200.072	2.346.847.792.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		484.115.407.669	243.800.653.250
260	IV. Tài sản dài hạn khác		8.319.147.772	5.017.566.891
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		538.289.619	510.714.557
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.3	7.780.858.153	4.506.852.334
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.869.893.265.123	4.210.253.435.610

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.780.839.359.505	1.152.989.099.121
310	I. Nợ ngắn hạn		669.535.912.053	47.286.998.626
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	827.651.932	779.782.891
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	272.696.184	2.557.855.277
314	4. Phải trả người lao động		12.263.687	7.413.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	25.436.497.576	28.804.107.178
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	3.741.910.138	3.492.323.785
320	7. Vay ngắn hạn	13	630.000.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.036.583.637	11,437,206,909
330	II. Nợ dài hạn	13	1.111.303.447.452	1.105.702.100.495
338	1. Vay dài hạn		1.111.303.447.452	1.105.702.100.495
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.089.053.905.618	3.057.264.336.489
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	3.089.053.905.618	3.057.264.336.489
411	1. Vốn cổ phần		1.731.011.410.000	1.361.016.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.731.011.410.000	1.361.016.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.337.369.533.351	1.677.421.643.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(690.000.000)	(1.020.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.849.163.999	8.332.594.870
421a	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.096.824.240	(16.382.817.729)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.752.339.759	24.715.412.599
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.869.893.265.123	4.210.253.435.610


Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu


Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	15	160.258.923.915	85.960.390.142
22	2. Chi phí tài chính	16	(118.146.325.086)	(34.112.487.100)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(117.981.757.915)	(29.941.365.536)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	(40.979.719.434)	(24.492.797.525)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.132.879.395	27.355.105.517
31	5. Thu nhập khác		345.454.545	892.509.091
32	6. Chi phí khác		-	(1.111.290.374)
40	7. Lợi nhuận (lỗ) khác		345.454.545	(218.781.283)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.478.333.940	27.136.324.234
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	-	(2.406.487.448)
52	10. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	19.3	3.274.005.819	(14.424.187)
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.752.339.759	24.715.412.599

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		1.478.333.940	27.136.324.234
	Lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	1.436.849.007	1.197.888.295
03	Dự phòng		9.114.673.978	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(160.604.378.460)	(85.740.143.470)
06	Chi phí lãi vay	16	117.981.757.915	29.941.365.536
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(30.592.763.620)	(27.464.565.405)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.572.807.004)	13.782.800.953
11	Giảm các khoản phải trả		(5.492.852.566)	(23.056.408.888)
12	Tăng chi phí trả trước		(15.200.395.191)	(35.760.709.089)
14	Tiền lãi vay đã trả		(97.036.109.588)	-
15	Thuế TNDN đã nộp		(6.178.143.023)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.693.393.902)	(2.924.256.858)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(159.766.464.894)	(75.423.139.287)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.970.040.000)	(5.406.841.750)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		345.454.545	890.909.091
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(641.840.000.000)	(200.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		422.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(627.631.162.491)	(590.848.445.250)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	56.491.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		114.904.818.206	31.185.700.054
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(734.190.929.740)	(707.687.677.855)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		30.000.000.000	867.480.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(690.000.000)	(1.020.000.000)
32.1	Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ		1.020.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.885.000.000.000	1.135.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.255.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		660.330.000.000	2.001.460.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(233.627.394.634)	1.218.349.182.858
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.226.263.227.436	7.914.044.578
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	992.635.832.802	1.226.263.227.436



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 19).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 8.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 năm

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	73.241.000	40.120.000
Tiền gửi ngân hàng	238.204.893.802	650.118.681.521
Các khoản tương đương tiền (*)	754.357.698.000	576.104.425.915
TỔNG CỘNG	992.635.832.802	1.226.263.227.436

(*) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	24.311.743.892	24.311.743.892
TỔNG CỘNG	24.311.743.892	24.311.743.892
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(24.311.743.892)	(15.197.069.914)
GIÁ TRỊ THUẦN	-	9.114.673.978

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.197.069.914	15.197.069.914
Dự phòng trích lập trong năm	9.114.673.978	-
Số cuối năm	24.311.743.892	15.197.069.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	28.866.988.249	9.847.977.540
Cổ tức	26.335.095.000	-
Ký quỹ	846.884.326	536.987.976
Tạm ứng nhân viên	59.726.647	130.029.701
	<u>56.108.694.222</u>	<u>10.514.995.217</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	<u>89.200.000</u>	<u>89.200.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>56.197.894.222</u>	<u>10.604.195.217</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 20)</i>	53.411.420.235	9.927.177.540
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	2.786.473.987	677.017.677

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	13.778.633.885	10.646.709.422	839.412.650	-	25.264.755.957
Mua mới	-	1.883.640.000	-	86.400.000	1.970.040.000
Thanh lý	-	(1.016.289.360)	-	-	(1.016.289.360)
Số cuối năm	13.778.633.885	11.514.060.062	839.412.650	86.400.000	26.218.506.597
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	4.421.964.599	1.730.709.180	454.581.150	-	6.607.254.929
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(8.019.716.984)	(2.969.485.993)	(427.699.889)	-	(11.416.902.866)
Khấu hao trong năm	(419.211.398)	(938.221.368)	(79.416.241)	-	(1.436.849.007)
Thanh lý	-	1.016.289.360	-	-	1.016.289.360
Số cuối năm	(8.438.928.382)	(2.891.418.001)	(507.116.130)	-	(11.837.462.513)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	5.758.916.901	7.677.223.429	411.712.761	-	13.847.853.091
Số cuối năm	5.339.705.503	8.622.642.061	332.296.520	86.400.000	14.381.044.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 8.1)	2.734.164.200.072	2.346.847.792.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 8.2)	484.115.407.669	243.800.653.250
TỔNG CỘNG	3.218.279.607.741	2.590.648.445.250

8.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	81,91	999.900.000.000	81,91
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (iii)	474.184.200.072	35,80	347.047.792.000	34,17
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN (iv)	199.980.000.000	99,99	-	-
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans (v)	60.200.000.000	79,60	-	-
TỔNG CỘNG	2.734.164.200.072		2.346.847.792.000	

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư.

(ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0107519768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp.

(iii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo GCNĐKKD số 5903000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 12 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là một công ty con với tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 35,80% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp là 28,65% thông qua hai công ty thành viên trong Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(iv) Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101912597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1/1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn thực phẩm.

(v) Công ty Cổ phần Cà phê Golden là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam GCNĐKDN số 0314681060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 10 năm 2017. Công ty có trụ sở chính tại số 497/23, Đường Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn thực phẩm, nông lâm sản và trồng cây cà phê.

8.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	<u>484.115.407.669</u>	41,88	<u>243.800.653.250</u>	20

Trong năm 2019, Công ty đã chào mua 6.916.061 cổ phiếu với giá chào mua là 38.500 VND/cổ phiếu theo Thông báo số 111.18/PAN-CV ngày 20 tháng 11 năm 2018. Việc chào mua hoàn thành theo thông báo ngày 8 tháng 1 năm 2019.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	812.037.432	422.282.891
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	<u>15.614.500</u>	<u>357.500.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>827.651.932</u>	<u>779.782.891</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.406.487.448	-	(6.178.143.023)	(3.771.655.575)
Thuế thu nhập cá nhân	151.367.829	1.677.175.568	(1.555.847.213)	272.696.184
Khác	(29.119.575)	4.000.000	(4.000.000)	(29.119.575)
TỔNG CỘNG	<u>2.528.735.702</u>	<u>1.681.175.568</u>	<u>(7.737.990.236)</u>	<u>(3.528.078.966)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	2.557.855.277			272.696.184
<i>Trả trước</i>	(29.119.575)			(3.800.775.150)

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.137
Lãi vay	548.876.712	-
Phí kiểm toán	143.000.000	132.000.000
Chi phí tư vấn	-	4.076.424.000
Khác	1.061.990.726	913.053.041
TỔNG CỘNG	<u>25.436.497.576</u>	<u>28.804.107.178</u>

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Khác	3.649.130.062	3.399.543.709
TỔNG CỘNG	<u>3.741.910.138</u>	<u>3.492.323.785</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	450.000.000	450.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	3.291.910.138	3.042.323.785

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
				VND
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.1)	-	1.885.000.000.000	(1.255.000.000.000)	630.000.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.2)	1.105.702.100.495	(14.795.424.657)	20.396.771.614	1.111.303.447.452
Chi phí phát hành (Thuyết minh số 13.2)	1.135.000.000.000 (29.297.899.505)	- (14.795.424.657)	20.396.771.614	1.135.000.000.000 (23.696.552.548)
TỔNG CỘNG	1.105.702.100.495	1.870.204.575.343	(1.234.603.228.386)	1.741.303.447.452

13.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	630.000.000.000	Ngày 18 tháng 6 năm 2020	5,8	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 5)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu theo quy định với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
	Giá trị	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo
	VND			
Trái chủ				
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
TỔNG CỘNG	1.135.000.000.000			
Chi phí phát hành	(23.696.552.548)			
Giá trị thuần	1.111.303.447.452			

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890
Tăng vốn trong năm	183.780.000.000	656.350.500.000	-	-	-	840.130.500.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	561.000.000	-	-	561.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.020.000.000)	-	-	(1.020.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24.715.412.599	24.715.412.599
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	(1.020.000.000)	11.513.798.268	8.332.594.870	3.057.264.336.489
Năm nay						
Số đầu năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	(1.020.000.000)	11.513.798.268	8.332.594.870	3.057.264.336.489
Tăng vốn trong năm (*)	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (*)	339.995.110.000	(339.995.110.000)	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	-	1.020.000.000	-	-	1.020.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(690.000.000)	-	-	(690.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.752.339.759	4.752.339.759
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.235.770.630)	(1.235.770.630)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Khác	-	(57.000.000)	-	-	-	(57.000.000)
Số cuối năm	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	(690.000.000)	11.513.798.268	9.849.163.999	3.089.053.905.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn tất phát hành 33.999.511 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn và tái phát hành 102.000 cổ phiếu quỹ với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02-10/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2018.

Việc phát hành đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 1303/UBCK-QLCB ngày 28 tháng 2 năm 2019 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 11 tháng 3 năm 2019.

(*) Vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02-11/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 11 năm 2019. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 vào ngày 20 tháng 12 năm 2019.

14.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.361.016.300.000	1.177.236.300.000
Tăng trong năm	<u>369.995.110.000</u>	<u>183.780.000.000</u>
Số cuối năm	<u>1.731.011.410.000</u>	<u>1.361.016.300.000</u>

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	173.101.141	136.101.630
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	173.101.141	136.101.630
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(69.000)	(102.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	173.032.141	135.999.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	74.687.616.000	7.780.400.000
Lãi tiền gửi	31.574.138.143	24.414.209.101
Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	28.106.396.038	47.036.192.000
Lãi cho vay	25.855.660.274	6.729.589.041
Khác	35.113.460	-
TỔNG CỘNG	<u>160.258.923.915</u>	<u>85.960.390.142</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	<i>158.371.846.953</i>	<i>31.017.710.610</i>
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	<i>1.887.076.962</i>	<i>54.942.679.532</i>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	117.981.757.915	29.941.365.536
Chi phí khác	164.567.171	4.171.121.564
TỔNG CỘNG	<u>118.146.325.086</u>	<u>34.112.487.100</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.940.938.476	15.711.254.993
Chi phí dự phòng	9.114.673.978	-
Chi phí lương	8.967.406.737	7.292.147.305
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	1.436.849.007	1.197.888.295
Khác	519.851.236	291.506.932
TỔNG CỘNG	<u>40.979.719.434</u>	<u>24.492.797.525</u>

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.940.938.476	15.711.254.993
Chi phí dự phòng	9.114.673.978	-
Chi phí lương	8.967.406.737	7.292.147.305
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	1.436.849.007	1.197.888.295
Khác	519.851.236	291.506.932
TỔNG CỘNG	<u>40.979.719.434</u>	<u>24.492.797.525</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.406.487.448
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.274.005.819)	14.424.187
TỔNG CỘNG	(3.274.005.819)	2.420.911.635

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.478.333.940	27.136.324.234
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	295.666.788	5.427.264.847
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	8.323.090.626	3.648.498.733
Điều chỉnh chi phí đã trích những năm trước	2.698.341.725	(2.698.341.725)
Chi phí không được khấu trừ	346.418.242	573.577.265
Thu nhập từ cổ tức	(14.937.523.200)	(1.556.080.000)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(2.974.007.485)
Chi phí thuế TNDN	(3.274.005.819)	2.420.911.635

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	7.780.858.153	-	7.780.858.153	-
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	-	4.506.852.334	(4.506.852.334)	(14.424.187)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.780.858.153	4.506.852.334		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			3.274.005.819	(14.424.187)

19.4 Lỗi thuế

Công ty được phép chuyển khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản lỗi lũy kế là 38.904.290.764 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có các khoản lỗi lũy kế). Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	VND	
			<i>Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Chưa chuyển lỗi không được vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
2019	2024	38.904.290.764	-	38.904.290.764

Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Lãi tiền gửi có kỳ hạn Phí lưu ký chứng khoán Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	29.642.129.581 912.443.036 -	24.288.121.569 12.516.018 26.697.500.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Cho vay Góp vốn Lãi cho vay Mua hàng hóa	450.000.000.000 199.980.000.000 993.150.685 175.237.098	- - - -
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa Doanh thu từ chuyển nhượng quyền mua	191.840.000.000 24.862.509.589 77.229.037 35.113.460	200.000.000.000 6.729.589.041 230.344.540 -
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	61.448.555.000	-
Công ty Cổ phần Cà Phê Golden Beans	Công ty con	Góp vốn	60.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội	Bên liên quan	Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	28.106.396.038	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	13.239.061.000	-
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	1.855.956.024	1.444.559.000
Công ty TNHH Shin Cà Phê	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	54.002.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Cổ đông	Doanh thu từ chuyển nhượng trái phiếu	44.931.600	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hoá	42.820.950	39.696.000	
Công ty Cổ phần PAN-Hulic	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	40.020.000	51.334.750	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	16.228.400	56.192.500	
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	5.088.220	19.660.250	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	-	327.600.000	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Tạm ứng	349.250.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi dự thu	26.737.057.534	8.839.068.493	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	26.335.095.000	-	
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Lãi dự thu	198.205.479	-	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi dự thu	61.862.222	1.008.909.047	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000	
			53.411.420.235	9.927.177.540	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	520.840.000.000	354.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Cho vay	53.000.000.000	-	
			573.840.000.000	354.000.000.000	

Chi tiết khoản cho vay như sau:
Hợp đồng

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN

PAN-PANFood/102018/HĐ (*)
09/2019/HĐTD/PAN-PF (*)
12/2016/HĐTD/PAN-PF
12/2016/HĐTD/PAN-PF

520.840.000.000
200.000.000.000
150.840.000.000
100.000.000.000
70.000.000.000

Số cuối năm
VND

Kỳ hạn trả gốc

Ngày 10 tháng 9 năm 2023
Ngày 9 tháng 9 năm 2020
Ngày 29 tháng 7 năm 2020
Ngày 27 tháng 12 năm 2020

Lãi suất
%/năm

8,65
5,00
5,00
5,00

Hình thức đảm bảo

Tín chấp
Tín chấp
Tín chấp
Tín chấp

Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN

12/2019/HĐTD/PAN-PANCG

53.000.000.000
53.000.000.000

Ngày 2 tháng 1 năm 2020

6,50

Tín chấp

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn vì Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN có toàn quyền quyết định việc hoàn trả toàn bộ tiền gốc khoản vay tại bất kỳ thời điểm nào.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Mua hàng hóa	9.544.500	-	
Công ty TNHH Shin Cà Phê	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	6.070.000	-	
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	-	330.000.000	
Công ty Cổ phần PAN-Hulic	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	27.500.000	
			15.614.500	357.500.000	

Phải trả ngắn hạn khác

Ông Michael Sng Beng Hock

450.000.000

Thành viên HĐQT

450.000.000

450.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước	VND
Tiền lương	1.610.000.000	1.125.681.818	
Tiền thưởng	1.620.000.000	1.420.000.000	
TỔNG CỘNG	3.230.000.000	2.545.681.818	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>3.299.958.660</u>	<u>1.658.632.098</u>

VND

22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

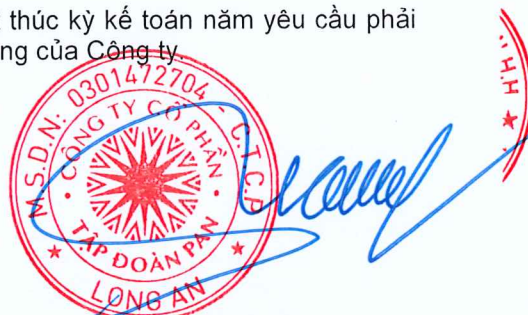
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2020